

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-------------------------|
| 1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ | | |
| Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa Nhà thầu phải kê khai đầy đủ thông tin về thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ, nhà sản xuất, ký mã hiệu/model (nếu có) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất theo mẫu quy định tại Bảng số 03, Mục 4.2, Chương V, E-HSMT Danh mục chủng loại hàng hóa yêu cầu phải kê khai được nêu tại Bảng số 02, Mục 4.2, Chương V, E-HSMT. | <ul style="list-style-type: none">- Nhà thầu phải chỉ định rõ và đầy đủ một ký mã hiệu (nếu có), hãng sản xuất, xuất xứ của hàng hóa sử dụng cho công trình (không được ghi “hoặc tương đương”).- Đối với hàng hóa yêu cầu thông số kỹ thuật quy định tại Bảng số 2 chương V: Nhà thầu cung cấp catalogue/datasheet hoặc bản vẽ 3D hoặc tài liệu tương tự để chứng minh. Danh sách các chủng loại hàng hóa yêu cầu cung cấp catalogue/datasheet hoặc tài liệu tương tự để chứng minh được nêu tại Bảng số 02, Mục 4.2, Chương V, E-HSMT. | <i>Đạt</i> |
| | <ul style="list-style-type: none">- Không đáp ứng các yêu cầu trên.- Nhà thầu chào nhiều hơn một ký mã hiệu (nếu có), hãng sản xuất, xuất xứ của các thiết bị tại Bảng số 2 Danh mục hàng hóa và thông số kỹ thuật Chương V của E-HSMT.- Các hàng hóa có thông số không đáp ứng các yêu cầu nêu tại Bảng số 02, Mục 4.2, Chương V, E-HSMT. | <i>Không đạt</i> |
| 1.2. Tính hợp lệ của hàng hóa chào thầu | Nhà thầu có văn bản cam kết của nhà thầu được người đại diện pháp luật của Nhà thầu hoặc người đại diện liên danh hoặc người đại diện theo ủy quyền ký (Trường hợp người đại diện theo ủy quyền ký phải đính kèm văn bản ủy quyền), bao gồm đầy đủ các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none">- Cam kết có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu tại Bảng số 02, Mục 4.2, Chương V, E-HSMT của E-HSMT.- Cam kết tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%, thời gian sản xuất hàng hóa chào thầu từ năm 2024 trở lại đây, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.- Có cam kết cung cấp hàng hóa đúng như dự thầu (xuất xứ, hãng sản xuất, chủng loại, ký mã hiệu, model, thông số kỹ thuật) sau khi trúng thầu và thực hiện hợp đồng, trường hợp sau khi ký hợp đồng hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu thay đổi hàng hóa nhưng | <i>Đạt</i> |

| | | |
|---|---|------------------|
| | <p>không có lý do hợp lý và không được chủ đầu tư chấp thuận thì sẽ bị tính là vi phạm hợp đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết đối với thiết bị nhập khẩu (đối với các thiết bị): nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá (như chứng nhận CO hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương), chứng nhận chất lượng hàng hóa (như chứng nhận CQ hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương). - Cam kết đối với hàng hóa, thiết bị trong nước, phải có (đối với các thiết bị): Giấy chứng nhận/chứng chỉ xuất xưởng. - Có bản cam kết thu hồi hàng bị lỗi, hàng hóa kém chất lượng không đáp ứng về thông số kỹ thuật hoặc bị hư hỏng trong quá trình nghiệm thu; - Có cam kết tuân thủ các bước kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Duyệt mẫu, kiểm tra hàng hóa trước khi lắp đặt, kiểm tra công tác lắp đặt, kiểm tra trước khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; | |
| | Không có bản cam kết hoặc có cam kết không đáp ứng của một trong các yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | | |
| 2.1. Trình bày tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp và lắp đặt hạng mục hàng hóa thuộc gói thầu, trong đó có thuyết minh chi tiết, hợp lý và nêu thời gian thực hiện cụ thể việc mua/sản xuất/nhập khẩu hàng hóa. | Có trình bày đầy đủ, hợp lý, chi tiết và rõ ràng phù hợp yêu cầu của gói thầu. | Đạt |
| | Không có trình bày hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc không hợp lý. | Không đạt |
| 2.2. Trình bày phương án tập kết, bảo quản, an toàn vận chuyển hàng hóa đến công trình. | Có trình bày đầy đủ, hợp lý, chi tiết và rõ ràng phù hợp biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa. | Đạt |
| | Không có trình bày (hoặc có nhưng không đầy đủ (hoặc không hợp lý)). | Không đạt |
| 2.3. Trình bày phương án bàn giao, nghiệm thu chất lượng hàng hóa theo quy định hiện hành. | Có trình bày đầy đủ, hợp lý, chi tiết và rõ ràng. | Đạt |
| 2.4. Trình bày thuyết minh giải pháp kỹ thuật và biện pháp thi | Có trình bày thuyết minh đầy đủ, hợp lý, chi tiết và rõ ràng. | Đạt |

| | | |
|--|---|-------------------------|
| <p>công phần cung cấp lắp đặt hàng hóa, bao gồm: + Công tác lắp đặt, vận chuyển điều hòa không khí, hệ thống loa không dây, quạt đứng.</p> | <p>- Không có trình bày (hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc không hợp lý).</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>2.5. Biện pháp phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình cung cấp và lắp đặt hàng hóa</p> | <p>- Có trình bày đầy đủ, hợp lý, chi tiết và rõ ràng biện pháp phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình cung cấp, lắp đặt hàng hóa. - Có bản cam kết tất cả cán bộ, nhân viên khi làm việc tại đơn vị sử dụng phải tuân thủ theo quy định, nội quy tại các đơn vị sử dụng.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Không có biện pháp phối hợp, không có bản cam kết hoặc có nhưng không đầy đủ.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>3. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:</p> | | |
| <p>3.1. Tổ chức mặt bằng công trường bao gồm yêu cầu các nội dung sau: (a) Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, lán trại; (b) Bố trí rào chắn, biển báo công trường thi công; (c) Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. (d) Tổ chức bảo vệ, an toàn giao thông trong quá trình thi công.</p> | <p>- Có giải pháp kỹ thuật (bao gồm: thuyết minh và bản vẽ tổ chức mặt bằng thi công) theo yêu cầu, hợp lý và phù hợp với vị trí địa lý, địa hình của công trình, khả thi việc kết nối công trường và giao thông khu vực thể hiện bằng sơ họa mặt bằng. - Nhà thầu bố trí kho bãi tập kết thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, lán trại,... đảm bảo công tác thi công. - Nhà thầu có giải pháp bố trí rào chắn, biển báo,.. kỹ lưỡng trong quá trình thi công. <i>(Nhà thầu có trách nhiệm tự khảo sát, tìm hiểu, tính toán chi tiết các hạng mục trên tổng mặt bằng (vị trí, diện tích, ...) phục vụ thi công để đề xuất phù hợp với thực tế hiện trạng, với gói thầu)</i></p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đầy đủ yêu cầu nêu trên.</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>3.2. Biện pháp thi công công tác chuẩn bị khởi công</p> | <p>- Công tác chuẩn bị mặt bằng phục vụ thi công bám sát thực tế gói thầu bao gồm công tác nhận mặt bằng, khảo sát hiện trạng mặt bằng công trình - trắc đạc cao độ, vị trí nền cote, bãi đổ thải.</p> | <p>Đạt</p> |
| | <p>Không đáp ứng các nội dung nêu trên</p> | <p>Không đạt</p> |
| <p>3.3. Biện pháp thi công: - Trình tự biện pháp các bước thi công tổng thể hạng mục và biện pháp kỹ thuật thi công các công tác trong từng hạng mục theo yêu cầu trong hồ sơ thiết kế và dự toán được phê duyệt, phù hợp với tiến độ thi công.</p> | <p>- Có đề xuất Biện pháp thi công chi tiết đầy đủ bám sát thực tế, phù hợp thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, tiến độ thi công và hiện trạng công trình đang hoạt động có không gian chật hẹp và giao thông hạn chế. - Đề xuất các tiêu chuẩn/Quy chuẩn kỹ thuật hoặc các thông tư, nghị định các công tác thi công (lưu ý phải còn hiệu lực đến thời điểm</p> | <p>Đạt</p> |

| | | |
|--|---|------------------|
| | <p>đóng thầu) và nghiệm thu cho từng hạng mục/công việc một cách hợp lý, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>- Có đầy đủ bản vẽ mô tả biện pháp kỹ thuật thi công hợp lý, phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công, hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp với thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật.</p> <p>- Có sự gắn kết chặt chẽ với tiến độ thi công tổng thể và tiến độ chi tiết, bảo đảm tính khả thi, phù hợp điều kiện hiện trường và hồ sơ thiết kế.</p> <p><i>Ghi chú: Biện pháp thi công các công tác xây dựng của nhà thầu chỉ được xem xét khi nhà thầu trình bày đầy đủ trình tự từ các công việc từ đầu vào đến quá trình thi công và cuối cùng là kiểm tra, nghiệm thu. Trường hợp nhà thầu sao chép bản vẽ thiết kế mà không phải là bản vẽ thể hiện biện pháp thi công của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là không nắm được yêu cầu E-HSMT và bản vẽ đó sẽ không được xem xét. Ngoài ra, nhà thầu đính kèm hình ảnh mô tả nhưng không phù hợp với gói thầu sẽ không được xem xét, đánh giá.</i></p> | |
| | <p>Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp với gói thầu.</p> <p>Đề xuất các tiêu chuẩn/Quy chuẩn kỹ thuật hoặc các thông tư, nghị định hết hiệu lực thi hành tại thời điểm đóng thầu.</p> | Không đạt |
| 3.4. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ. | Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ theo yêu cầu và hợp lý | Đạt |
| | Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ hoặc có nhưng không hợp lý. | Không đạt |
| 3.5. Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo duy trì hoạt động làm việc của đơn vị | Có biện pháp tổ chức thi công hợp lý phù hợp với điều kiện thi công, không làm ảnh hưởng đến các hoạt động thường xuyên liên tục của Chủ đầu tư. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc đề xuất không phù hợp với gói thầu. | Không đạt |
| 3.6. Biện pháp tổ chức trong quá trình thi công không gây ảnh hưởng đến hệ thống cấp nguồn, cấp quang, đường ống, cấp thoát nước ... | <p>- Nhà thầu phải có thuyết minh biện pháp tổ chức trong quá trình thi công không gây ảnh hưởng đến hệ thống cấp nguồn, cấp quang, đường ống, cấp thoát nước ...</p> <p>- Nhà thầu phải có cam kết nếu xảy ra các trường hợp hư hại nêu trên thì Nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm khắc phục, sửa chữa và</p> | Đạt |

| | | |
|---|---|------------------|
| | chi phí khắc phục, sửa chữa do Nhà thầu chi trả. | |
| | Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 3.7. Biện pháp huy động máy móc, thiết bị thi công | Có cam kết đảm bảo huy động máy móc, thiết bị thi công theo đúng tiến độ đã đề ra. | Đạt |
| | Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 4. Biện pháp đảm bảo chất lượng | | |
| 4.1. Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng. | Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý. | Đạt |
| | Nêu sơ sai, chiếu lệ hoặc không nêu | Không đạt |
| 4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng của vật liệu – thiết bị để phục vụ công tác thi công, bao gồm các nội dung sau: a. Bảng kê nêu rõ và đầy đủ các vật tư - thiết bị chính sử dụng cho gói thầu (bao gồm: tên vật tư, nhãn hiệu, nhà sản xuất, xuất xứ) phù hợp yêu cầu thiết kế và yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại Bảng số 1 chương V của E-HSMT và tài liệu đính kèm E-HSMT. b. Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, thiết bị và máy móc thiết bị thi công. c. Có kế hoạch thí nghiệm cho các vật tư, thiết bị (các loại vật liệu chính) đưa vào sử dụng công trình. d. Giải pháp xử lý vật tư, thiết bị và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu; | Có nêu đầy đủ và hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu bên. | Không đạt |
| 4.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công xây dựng | - Có kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình. - Có phân tích về biện pháp dừng thi công xây dựng đối với công việc xây dựng, bộ phận, hạng mục công trình khi phát hiện có sai sót, khiếm khuyết về chất lượng hoặc xảy ra sự cố công trình và khắc phục các sai sót, khiếm khuyết, sự cố này. - Nhà thầu phải liệt kê đầy đủ các vật tư - thiết bị chính bắt buộc phải được thí nghiệm trước khi đưa vào thi công lắp đặt theo Quy chuẩn Việt Nam số 16:2023/BXD và kèm Thông tư | Đạt |

| | | |
|---|---|------------------|
| | số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023, Thông tư số 10/2024/TT-BXD ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. | |
| | Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 4.4. Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mất điện, mưa bão. | Có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mất điện, mưa bão hợp lý, khả thi phù hợp với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mất điện, mưa bão hoặc có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mất điện, mưa bão nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| 4.5. Sửa chữa hư hỏng | Có biện pháp rõ ràng, hợp lý. | Đạt |
| | Nêu sơ sài, chiếu lệ hoặc không nêu | Không đạt |
| 4.6. Hệ thống chất lượng kiểm tra thí nghiệm vật tư vật liệu đầu vào tại hiện trường. | - Trường hợp nhà thầu có phòng thí nghiệm được công nhận (LAS-XD) thì phải cung cấp bản sao được chứng thực quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền, trong đó có danh sách các phép thử phù hợp tính chất công việc gói thầu. - Trường hợp nhà thầu ký kết với đơn vị thí nghiệm khác thì phải cung cấp bản sao được chứng thực: Hợp đồng nguyên tắc; Quyết định công nhận LAS-XD của đơn vị ký kết, trong đó có danh sách các phép thử phù hợp tính chất công việc gói thầu. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu như trên. | Không đạt |
| 4.7. Hệ thống quản lý chất lượng | - Lập sơ đồ Hệ thống quản lý chất lượng chung cho gói thầu; Có thuyết minh đầy đủ lập, quản lý hồ sơ công trình: Hồ sơ nghiệm thu; Nhật ký thi công; Bản vẽ hoàn công; Hồ sơ thanh quyết toán. | Đạt |
| | - Không lập sơ đồ Hệ thống quản lý chất lượng chung cho gói thầu; - Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ quy trình lập, quản lý hồ sơ công trình: Hồ sơ nghiệm thu; Nhật ký thi công; Bản vẽ hoàn công; Hồ sơ thanh quyết toán. | Không đạt |
| 5. Tiến độ thi công | | |
| 5.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công tối đa | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá số ngày yêu cầu. | Đạt |

| | | |
|---|--|------------------|
| 90 ngày (kể cả ngày lễ, thứ bảy và chủ nhật, có tính đến điều kiện thời tiết) theo yêu cầu của E-HSMT. | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá số ngày yêu cầu. | Không đạt |
| 5.2. Tính phù hợp: a) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công. b) Giữa bố trí máy móc thi công và tiến độ thi công. c) Giữa huy động, bố trí vật tư và tiến độ thi công. | Đề xuất đầy đủ biểu đồ, hợp lý, khả thi phù hợp với tiến độ thi công cho cả 3 nội dung a, b, c. | Đạt |
| | Không đáp ứng một trong các nội dung nêu trên hoặc toàn bộ các nội dung nêu trên. | Không đạt |
| 5.3. Biểu tiến độ thi công | - Có biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Bố trí nhân sự thực hiện đúng, đủ theo khối lượng công việc thực hiện, bố trí công nhân tham gia thi công đúng tiến độ, biểu đồ nhân lực phù hợp thuyết minh. - Có bảng tiến độ thi công tổng thể và bảng tiến độ chi tiết cho toàn công trình. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 5.4. Cam kết tiến độ thi công. | Nhà thầu phải có cam kết thi công theo đúng tiến độ mà nhà thầu đề xuất. Trường hợp chậm tiến độ, Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng, phạt hợp đồng và xử lý theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp bất khả kháng). | Đạt |
| | Không có cam kết nội dung trên. | Không đạt |
| 6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường: | | |
| 6.1. Biện pháp an toàn lao động bao gồm: - Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; - Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; - An toàn giao thông ra vào công trường; - Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị; - Quản lý an toàn cho công trình thi công trong điều kiện công trình đang hoạt động. - Có cam kết yêu cầu về bảo hiểm theo mục E-ĐKC 19.1, Chương VII của E-HSMT | Có biện an toàn lao động hợp lý, rõ ràng, phù hợp với đặc thù công trình thi công trong điều kiện công trình đang hoạt động. | Đạt |
| | - Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có Biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không rõ ràng. - Không có cam kết yêu cầu về bảo hiểm theo mục E-ĐKC 19.1, Chương VII của E-HSMT. | Không đạt |
| 6.2 Biện pháp phòng cháy, chữa cháy bao gồm: | Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, rõ ràng. | Đạt |

| | | |
|---|--|-------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Quy định, quy phạm, tiêu chuẩn; - Lập các giải pháp phòng chống cháy quy định cho suốt quá trình xây dựng, đảm bảo khả năng thoát nạn an toàn và cứu người, cũng như bảo vệ tài sản khi xảy ra cháy trong công trình đang xây dựng và trên công trường; - Lập sơ đồ danh sách các bộ phận cá nhân của Nhà thầu chịu trách nhiệm quản lý đề phòng cháy, chữa cháy; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể này trong đảm bảo phòng cháy, chữa cháy; - Lập kế hoạch đào tạo cán bộ công nhân tham gia xây dựng công trình về các yêu cầu phòng cháy, chống cháy. | <p>Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không rõ ràng.</p> | <i>Không đạt</i> |
| <p>6.3 Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường bao gồm:</p> <p>a. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Có các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, bụi, khói rung, kiểm soát nước thải các loại, kiểm soát rác thải, nhà vệ sinh của công nhân trên công trường.</p> | <p>Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, trình bày đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.</p> | <i>Đạt</i> |
| | <p>Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không trình bày hoặc trình bày thiếu các nội dung.</p> | <i>Không đạt</i> |
| 7. Bảo hành, bảo trì | | |
| <p>7.1. Thời gian bảo hành, bảo trì</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Đối với xây lắp: Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. - Đối với hàng hóa cung cấp: Theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất/nhà cung cấp, nhưng tối thiểu là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng. | <i>Đạt</i> |
| | <p>Nhà thầu không có cam kết hoặc cam kết không đáp ứng yêu cầu.</p> | <i>Không đạt</i> |
| <p>7.2. Có cam kết khắc phục các sự cố, hư hỏng công trình trong thời gian bảo hành chậm nhất 24 giờ kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> | <p>Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu</p> | <i>Đạt</i> |
| | <p>Nhà thầu không có cam kết hoặc cam kết không đáp ứng yêu cầu</p> | <i>Không đạt</i> |

| | | |
|---|---|------------------|
| 7.3. Quy trình bảo hành, bảo trì | <p>Nhà thầu phải đưa vào trong E-HSĐT quy trình bảo hành, bảo trì công trình xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình. Quy trình bảo hành, bảo trì phải thể hiện đầy đủ các nội dung dưới đây (nhưng không giới hạn, tùy theo khả năng của Nhà thầu):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh chi tiết, đầy đủ quy trình bảo hành công trình xây dựng; Chế độ bảo trì trong và sau thời gian bảo hành. - Địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ e-mail liên hệ để Chủ đầu tư thông báo các hư hỏng công trình. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc đề xuất không đầy đủ nội dung. | Không đạt |
| 8. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | | |
| <p>Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, bao gồm:</p> <p>a) Tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Chất lượng hàng hóa, dịch vụ, công trình, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có) và các yếu tố khác có liên quan;</p> <p>c) Vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và lý do.</p> | Nhà thầu phải cam kết không vi phạm các nội dung “a”, “b” và “c” (từ 02 lần trở lên) theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. | Đạt |
| | Nhà thầu vi phạm một trong các nội dung "a", "b" và "c" (từ 02 lần trở lên) theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. | Không đạt |
| 9. Các yếu tố cần thiết khác | | |
| 9.1. Điều kiện thương mại, thanh toán, vi phạm hợp đồng | <ul style="list-style-type: none"> - Có cam kết đáp ứng điều kiện thanh toán theo E-ĐKC 42.1, 44.1- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng. - Có cam kết trường hợp nhà thầu vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng và bị phạt đến mức tối đa 8% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng, đồng thời nhà thầu sẽ bị đánh giá “Không đạt” trong nội dung uy tín của Nhà thầu khi tham gia đấu thầu các gói thầu tiếp theo do Học viện Cán bộ thành phố Hồ Chí Minh làm Chủ đầu tư. Đồng thời, chủ đầu tư sẽ công khai thông tin vi phạm hợp đồng của nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 9.2. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật tư, vật liệu | - Nhà thầu cung cấp bản scan màu từ bản gốc (hoặc chứng thực): Hợp đồng nguyên tắc hoặc | Đạt |

| | | |
|--|--|-------------------------|
| <p>chính tại Bảng số 1. Danh mục chủng loại vật tư, vật liệu chính dùng thi công công trình Chương V của E-HSMT.</p> | <p>bản cam kết của đơn vị cung cấp bán hàng (trừ vật tư, vật liệu nhà thầu là nhà sản xuất) cho tất cả các loại vật tư, thiết bị theo yêu cầu của dự án (Hợp đồng nguyên tắc và bản cam kết bán hàng phải ghi rõ là hợp đồng dành riêng cho gói thầu này, không dùng chung cho các dự án, công trình khác của nhà thầu).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp của đơn vị dự kiến cung cấp. - Nhà thầu có bản cam kết tất cả các loại vật liệu cung cấp trong gói thầu có nguồn gốc hợp pháp. - Nhà thầu phải đề xuất cụ thể và duy nhất một ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSMT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá. | |
| <p>9.3 Các yêu cầu về cam kết cho gói thầu</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu chào nhiều hơn một ký mã hiệu (nếu có), hãng sản xuất, xuất xứ của các vật tư, thiết bị có đánh dấu tại Bảng số 1 Danh mục hàng hóa và thông số kỹ thuật Chương V của E-HSMT. - Không đáp ứng các tiêu chí Đạt của yêu cầu nêu trên. | <p>Không đạt</p> |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu có cam kết bồi thường các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh nếu bị hư hỏng trong quá trình thi công và phục hồi đất đai, môi trường sau khi xây dựng xong công trình. - Nhà thầu có cam kết bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư và các bên thứ ba nếu chậm trễ tiến độ hợp đồng do lỗi của nhà thầu. - Nhà thầu có bản cam kết tại thời điểm ký kết hợp đồng nếu nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính, vật tư thiết bị, tiến độ thi công khi thi công và các nội dung liên quan khác theo yêu cầu của E-HSMT để thực hiện gói thầu. - Nhà thầu có cam kết tại thời điểm ký kết hợp đồng nếu nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính, vật tư thiết bị, tiến độ thi công khi thi công và các nội dung liên quan khác theo yêu cầu của E-HSMT để thực hiện gói thầu; - Nhà thầu cam kết đảm bảo an toàn cho công trình liền kề trong quá trình thi công toàn bộ | <p>Đạt</p> |

| | | |
|-----------------|--|-------------------------|
| | <p>công trình và chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại (nếu có).</p> <p>- Nhà thầu cam kết đã rà soát và nghiên cứu kỹ hồ sơ thiết kế, hồ sơ mời thầu để tham dự thầu. Và chịu trách nhiệm về các vấn đề có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.</p> | |
| | Không có cam kết hoặc cam kết không đầy đủ hoặc không đảm bảo các nội dung yêu cầu nêu trên. | <i>Không đạt</i> |
| Kết luận | Đạt tất cả các nội dung trên | Đạt |
| | Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên | Không đạt |